

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:40/2017/HNGĐ –ST

Ngày 17- 8-2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Dên
2. Bà Nguyễn Thị Như T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- *Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST- HNGĐ ngày 31/5/2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Đặng Thùy T**, sinh năm 1996
HKTT: thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: thôn 2, xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1994

3. Người làm chứng: ông **Bùi Văn Q**; sinh năm 1963

Đều ở địa chỉ: thôn T, xã B, huyện X, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/4/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đặng Thùy T trình bày: chị và anh Bùi Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện X vào ngày 25/9/2014. Sau khi kết hôn chị ở nhà, còn anh D đi làm ở tỉnh ngoài. Khoảng một năm gần đây anh đi làm nhưng không gửi tiền về cho chị để nuôi con, không quan tâm đến mẹ con chị, ngoài ra còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy chị đã về nhà mẹ đẻ ở xã V, huyện X ở từ tháng 01/2017 đến nay, anh D biết nhưng không tìm gọi, không liên lạc với chị, chị xác định không còn tình cảm với anh D, vợ chồng không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: chị và anh D có một con chung tên Bùi Tiến P, sinh ngày 03/7/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay tài sản gì.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Bùi Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng cố tình không đến làm việc theo các giấy báo của Tòa án, không có ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của chị T.

Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1963 trú tại: thôn T, xã B huyện X (là bố của anh D) trình bày: sau khi kết hôn anh D chị T chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây anh D đi làm xa, chị T nghi ngờ anh D có quan hệ với người phụ nữ khác nên phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 01/2017 chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã V, huyện X ở, gia đình có đến tìm gọi chị T nhưng chị không về và cương quyết xin ly hôn anh D. Khi nhận được các giấy báo của Tòa án, ông đã thông báo

lại ngay nội dung cho anh D biết, anh không nhất trí ly hôn, còn nếu chị T cương quyết xin ly hôn anh đồng ý; về con chung: khi ly hôn nếu chị T không muốn nuôi con anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T góp tiền cấp dưỡng; về tài sản chung không có.

Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện X vào ngày 28/6/2017 thể hiện: sau khi kết hôn anh D thường đi làm xa nên về nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Khoảng từ tháng 01/2017 chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã V, huyện X sinh sống, nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ thu thập được để giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung khi giải quyết ly hôn, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Bùi Tiến P còn nhỏ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thùy T được ly hôn anh Bùi Văn D; về con chung: giao con chung Bùi Tiến P, sinh ngày 03/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Đặng Thùy T khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn D, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Bùi Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thùy T và anh Bùi Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện X vào ngày 25/9/2014 - là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh D thường xuyên đi lao động xa nhà, khoảng một năm trở lại đây anh không quan tâm đến mẹ con chị T cả về vật chất và tinh thần, chị T chán nản nên đưa con về quê sinh sống, sự việc này anh D biết nhưng không về để cùng gia đình khuyên giải, động viên chị T. Khi biết chị T xin ly hôn, anh không nhất trí, song không đến Tòa án để bảo vệ quan điểm của mình, trường hợp chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý. Như vậy anh D không thực sự muốn níu kéo, không còn thiết tha với cuộc sống hôn nhân; điều này chứng tỏ tình cảm giữa anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn anh Bùi Văn D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung: chị T và anh D có một con chung tên Bùi Tiến P, sinh ngày 03/7/2015; anh D thường đi làm xa, cháu P lại còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị T, nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng như ý kiến đề nghị của đại diện VKS là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh D có quyền thăm nom con chung.

[6] Về quan hệ tài sản chung: chị T khai không có, Tòa án không ghi được lời khai của anh D, vì vậy về quan hệ tài sản chung không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: chị Đặng Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Đặng Thùy T được ly hôn anh Bùi Văn D.

2. **Về quan hệ con chung:** Giao con chung Bùi Tiến P, sinh ngày 03/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền thăm nom con chung.

3. **Về quan hệ tài sản chung:** không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí:** chị Đặng Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000709 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Đặng Thùy T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2017, anh Bùi Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ